

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 10 - 3 - 2022

V/v tranh chấp  
“Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN D  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Thanh

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Ghên
2. Bà Trần Thị Đồi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 76/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Đặng Thúy L, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

**Bị đơn:**

- Ông Thái Công D, sinh năm 1974. (xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thúy L trình bày như sau:

Do có quan hệ làm ăn quen biết nên bà L, ông D có vay bà L nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 19/11/2019, mượn số tiền 50.000.000 đồng;
- Ngày 19/8/2019, mượn số tiền 50.000.000 đồng;
- Ngày 30/11/2019, mượn số tiền 50.000.000 đồng;
- Ngày 20/6/2019, mượn số tiền 50.000.000 đồng;
- Ngày 08/7/2020, mượn số tiền 296.000.000 đồng; (không có làm giấy tay, chỉ thỏa thuận miệng);
- Ngày 12/8/2020, mượn số tiền 40.000.000 đồng;
- Ngày 11/10/2020, mượn số tiền 25.000.000 đồng;
- Ngày 10/12/2020, mượn số tiền 150.000.000 đồng;
- Ngày 24/3/2021, mượn số tiền 92.000.000 đồng;
- Ngày 08/5/2021, mượn số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 14/5/2021, mượn số tiền 20.000.000 đồng;

Các lần bà L nhận tiền đều có ghi lại vào sổ của bà L, riêng ngày 08/7/2020, không có ghi lại.

Tổng số tiền vay là 843.000.000 đồng. Sau đó, bà L và bà L có thống nhất với nhau về số tiền bà L phải trả cho bà L là 853.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho bà L. Nên bà L khởi kiện yêu cầu bà L, ông D liên đới trả cho bà L số tiền 853.000.000 đồng.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

**- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:** Bà xác nhận bà có vay tiền bà Đặng Thúy L nhiều lần, đến nay còn nợ lại tổng số tiền 853.000.000 đồng, số tiền nợ này gồm tiền vay và tiền lãi cộng dồn, không phải chỉ có tiền vay như bà L trình bày, tuy nhiên bà đồng ý trả cho bà L số tiền 853.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc vay tiền này để xoay sở cho việc hụi do bà làm thảo, chồng bà - ông Thái Công D hoàn toàn không biết nên đề nghị không buộc ông D cùng trả nợ. Tại phiên tòa, bà L thống nhất với số tiền nợ mà bà L yêu cầu là 853.000.000 đồng nhưng không đồng ý thanh toán một lần vì hoàn cảnh hiện nay của bà rất khó khăn và còn nợ nhiều người khác.

**- Bị đơn ông Thái Công D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:** Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Ngọc L. Ông có biết việc bà L là thảo hụi nhưng không can thiệp vào nên không biết nhưng vì là vợ chồng ông đồng ý cùng trả nợ với bà Nguyễn Ngọc L và đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng như ý kiến bà L. Do bận công việc, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Đặng Thúy L khởi kiện yêu cầu ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L trả tiền vay. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ L giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ L vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Thái Công D có đơn xin vắng mặt; căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Bà Đặng Thúy L khởi kiện yêu cầu ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L trả số tiền là 853.000.000 đồng. Bà Nguyễn Ngọc L xác nhận còn nợ bà Đặng Thúy L số tiền đúng như lời trình bày bà L và đồng ý trả số tiền này nên được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Thái Công D có lời trình bày đồng ý cùng bà Nguyễn Ngọc L liên đới trả nợ cho bà L, thấy rằng việc bà L vay tiền bà L là để xoay sở tiền hụi và việc bà L làm thảo hụi là để có thu nhập cho gia đình. Do đó, cần buộc ông D có nghĩa vụ liên đới cùng bà L thanh toán số tiền còn nợ cho bà L là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về lãi suất: Bà L không yêu cầu trả lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà L không đồng ý với phương thức thanh toán này. Xét thấy, số tiền còn nợ là số tiền lớn; do đó để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn cần buộc ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền còn nợ.

Từ những phân tích [2], [3], [4], xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thúy L đối với ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Thái Công D, bà Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thúy L số tiền 853.000.000đồng (Tám trăm năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

### 2. Về án phí:

Ông Thái Công D và bà Nguyễn Ngọc L phải liên đới chịu 37.590.000đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Đặng Thúy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.795.000đồng theo biên lai thu số 0009592 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Kim Thanh**

---